

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 134/2025/DS-PT

Ngày: 27-02-2025

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản; bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu hủy kết quả mua bán đấu giá tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Vĩnh Hữu.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “ Đòi tài sản; Bồi thường thiệt hại về tài sản; Yêu cầu hủy kết quả mua bán đấu giá tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 323/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 576/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Hẻm B, N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1944 (có mặt);

Địa chỉ: Số I, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T** - Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Mai Thanh B - Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2.2. Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T1 - Chức vụ: Trưởng công an (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn M, sinh năm 1944 (có mặt);

Địa chỉ: Số I, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Nay là công ty Đ – vắng mặt); Địa chỉ: Số I, Tổ F, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ông Lê Văn S, sinh năm 1962 (xin vắng mặt);

3.5. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2018 nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và các lời khai của người đại diện ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông Huỳnh Văn H là người mua trúng tài sản bán đấu giá của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C (Chi Cục thi hành án Dân sự huyện C được viết tắt là Chi Cục THA) bán là phần đất diện tích 1.116,0m² thuộc thửa đất số 1509, tờ bản đồ ATTC2 với số tiền là 184.000.000 đồng vào ngày 06/4/2011. Sau khi mua trúng đấu giá ông đã nộp đủ số tiền 184.000.000 đồng cho Chi cục THA nhưng đến nay Chi Cục THA không giao tài sản theo hợp đồng.

Nay ông H yêu cầu Chi Cục THA và Công an huyện C liên đới trả lại số tiền mua tài sản 184.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại là tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm được tính từ ngày 06/4/2011 đến ngày xét xử với số tiền là 487.473.973 đồng, tổng cộng tiền mua tài sản và tiền lãi là 671.473.973 đồng.

** Theo văn bản ý kiến đề ngày 02/7/2018 bị đơn Chi Cục THA cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền trình bày:*

Chi Cục THA có thi hành bản án số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quyết định bản án buộc bà Trần Thị H1 trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.000.000 đồng và 84 chỉ vàng 24k.

Chi Cục THA đã ra quyết định thi hành án số 944/THA-TĐYC ngày 17/4/2007, quá trình thi hành án do bà H1 có điều kiện nhưng không tự nguyện thi hành nên C1 đã ra quyết định kê biên số 30/QĐ-THA ngày 27/8/2007 kê biên tài sản của bà H1 (BL149). Ngày 12/9/2007 lập biên bản kê biên thửa đất số 1285, diện tích 1.116,0m² (BL147) và tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản. Qua nhiều lần bán đấu giá đến ngày 06/4/2011 bán đấu giá thành, ông H (ông H là chồng bà L là người được thi hành án) là người mua trúng đấu giá với số tiền là 184.000.000 đồng. Quá trình thi hành án giao tài sản không thực hiện được do ông H thường vắng mặt tại địa phương, hơn nữa sau khi kê biên, ông S chồng bà H1 trước đây là Công an xã được đông đội cho tiền xây dựng 01 căn nhà trên phần đất nên không giao tài sản được cho ông H và ông H không nộp tiền mua tài sản mà khấu trừ vào tiền bà L được thi hành án.

Nay Chi Cục THA không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Theo công văn số 491/CAH-HTTP ngày 20/10/2019 bị đơn Công an huyện C trình bày:*

Quá trình thực hiện công tác phối hợp trong công tác cưỡng chế thi hành án, tháng 6/2018 Công an có nhận được kế hoạch cưỡng chế thi hành án số 287/KH-CCTHADS ngày 08/6/2019 của Chi Cục thi hành án. Do vụ việc có tính chất phức tạp, đương sự chống đối. Ngày 28/02/2019 Công an huyện C có Công văn số 360/CV-CAH-HTTP về việc trao đổi việc phối hợp việc cưỡng chế. Đến tháng 9/2019 các ban ngành huyện, Viện kiểm sát đề nghị xem lại hồ sơ cưỡng chế nhưng đến nay Công an huyện C chưa nhận được kế hoạch cưỡng chế.

** Theo bản khai ý kiến đề ngày 05/11/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L cũng như lời khai của đại diện ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Bà L là vợ của ông Huỳnh Văn H và là người được thi hành án theo bản án số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quyết định bản án buộc bà Trần Thị H1 trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng và 84 chỉ vàng 24k, nhưng bà H1 không thi hành.

Chi Cục THA đã tiến hành kê biên tài sản bà H1 và bán đấu giá phần đất diện tích 1.116,9m², ông H là chồng bà là người mua trúng đấu giá số tiền 184.000.000 đồng vào ngày 06/4/2011, đồng thời ông H đã giao đủ số tiền trên cho bà và bà đã tự nguyện nộp chi phí thi hành án, nên phần đất trên thuộc quyền sử dụng đất của ông H, nhưng đến nay ông H chưa nhận được phần đất mua trúng đấu giá làm thiệt thòi quyền lợi ông H, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Theo văn bản ý kiến đề ngày 30/03/2023 và đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 27/11/2023 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn P trình bày:*

Trước đây anh là chấp hành viên Chi Cục THA dân sự huyện C được phân công trực tiếp thi hành bản án số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quyết định bản án buộc bà Trần Thị H1 trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.000.000 đồng và 84 chỉ vàng 24k. Do bà H1 không tự nguyện thi hành nên C1 đã ra quyết định kê biên bán đấu giá tài sản của bà H1 là phần đất diện tích 1.116,9m², anh là chấp hành viên đại diện Chi Cục THA ký hợp đồng mua bán đấu giá, ông H là người mua trúng đấu giá với số tiền là 184.000.000 đồng, nhưng không giao được tài sản cho ông H. Nguyên nhân do sau khi kê biên ông S là chồng bà H1 được đồng đội cất 01 căn nhà trên đất, đồng thời do sai sót trong đánh văn bản thừa đất kê biên thửa số 1285 và thửa đất bán đấu giá thửa 1509 là 02 thửa khác nhau, đồng thời ông H cũng không có nộp tiền mua trúng đấu giá tài sản mà xin khấu trừ vào số tiền bà L được thi hành án.

Nay anh yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản theo hợp đồng mua bán số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 giữa Chi Cục THA với ông Huỳnh Văn H và yêu cầu bà L trả lại tiền đã nhận được từ thi hành án và tiền lãi phát sinh để khôi phục lại việc thi hành bản án.

** Công ty trách nhiệm hữu hạn D; Nay là công ty Đ (Công ty trách nhiệm hữu hạn D; Nay là công ty Đ được viết tắt là (Công ty D)) là cơ quan, tổ chức có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

** Ông Lê Văn S và bà Trần Thị H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện ủy quyền nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang về việc cùng với Chi C THA trả tiền. Anh P rút yêu cầu bà L trả lại số tiền được thi hành án 184.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Còn lại các bên vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.*

*** Bản án dân sự sơ thẩm số: 323/2024/DS-ST** ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 123, Điều 131, Điều 166, Điều 408, Điều 430, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 71, Điều 102 của Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 72, Điều 73, Điều 74 của Luật Đấu giá tài sản 2016;

- Căn cứ khoản 3, 6 và 13 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang trả số tiền 671.473.973 đồng (Tiền mua tài sản đấu giá là 184.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 487.473.973 đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang trả tiền.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Phạm Văn P:

- Hủy kết quả bán đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 được Văn phòng C2 công chứng số 246, quyển số 01 giữa Chi Cục thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang với ông Huỳnh Văn H, thửa đất số 1509, tờ bản đồ số ATTC2, diện tích 1.116m².

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Phạm Văn P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền được thi hành án 184.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Huỳnh Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập về yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Đại diện Viện kiểm sát nhận định: Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, hồ sơ bán đấu giá để làm rõ khi ký kết hợp đồng ủy quyền bán đấu giá thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã cung cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D quyết định kê biên (có thể hiện thửa đất 1285) và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng để đưa vào hồ sơ đấu giá và cung cấp cho các bên đấu giá; việc bán đấu giá tài sản vào ngày 31/3/2011 nên phải áp dụng trình tự thủ tục và giải quyết

kết quả đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ chứ không thể áp dụng Luật Đấu giá tài sản năm 2016 để giải quyết. Tuy nhiên, ông P không yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản giữa Chi cục THADS huyện C ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn D và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 06/4/2011 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn D với ông Huỳnh Văn H vô hiệu nên không có cơ sở xem xét hủy kết quả bán đấu giá tài sản theo quy định. Mặt khác, kết quả bán đấu giá tài sản trên cũng không bị hủy theo quy định tại Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông P là không đúng quy định của pháp luật. Từ đó nhận thấy Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, quyết định của bản án sơ thẩm có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, do đề nghị hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo do nguyên đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Về sự tham gia của các đương sự: Đại diện Công ty TNHH D, bà Trần Thị H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, ông Lê Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn H:

- Yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả số tiền 184.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/4/2011 với mức lãi suất là 1,125% tháng (bút lục 06).

- Ngày 17/10/2018 nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung: Yêu cầu Công an huyện C có nghĩa vụ liên đới với Chi cục thi hành án dân sự huyện C trả số tiền 184.000.000 đồng và tiền lãi nêu trên.

[2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn P có yêu cầu độc lập (bút lục 382-385):

- Hủy kết quả bán đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.ĐG ngày 06/4/2011 giữa Công ty TNHH D và ông Huỳnh Văn H để Chi cục thi hành án dân sự huyện C khôi phục lại việc thi hành bản án số 123/2007/DSPT ngày 22/3/2007.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả lại tiền đã nhận và tiền lãi theo quy định từ việc tổ chức thi hành bản án số 123/2007/DSPT ngày 22/3/2007 của TAND tỉnh Tiền Giang hoặc yêu cầu Tòa án cản trở số tiền này.

- Không đồng ý yêu cầu bồi thường của ông H vì khi hủy kết quả bán đấu giá, khôi phục lại việc thi hành án thì bà L đã cản trở tiền cho ông H, thực chất ông H không có bỏ tiền ra để mua tài sản đấu giá.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang về việc liên đới với Chi Cục THA trả tiền. Anh P rút yêu cầu bà L trả lại số tiền được thi hành án 184.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nội dung sau:

Đề thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007, Trường Thi hành án - Chi cục thi hành án huyện C ban hành Quyết định thi hành án số 944/THA-TĐYC ngày 17/4/2007, nội dung thi hành: “*Buộc chị Trần Thị H1 trả cho chị Nguyễn Thị L 84 chỉ vàng 24k và 8.000.000 đồng (tiền Việt Nam)*” (bút lục 155). Và phân công cho Chấp hành viên Phạm Văn P thi hành. Quá trình thi hành án, bà H1 không tự nguyện thi hành án, qua xác minh thì ông Lê Văn S (chồng của bà H1) có đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất của 03 thửa gồm: Thửa 1285 diện tích 1261m² - đất CLN; thửa 1279 diện tích 2066m² - đất LUA; thửa 1509 diện tích 2180m² - đất CLN (bút lục 150). Do bà H1 là thành viên hộ gia đình nên Chấp hành viên tổ chức định giá và làm thủ tục đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 1.116m², địa chỉ: ấp D - xã A - huyện C - tỉnh Tiền Giang. Và ông Huỳnh Văn H (chồng bà Nguyễn Thị L) là người trúng đấu giá tài sản trên.

Nhận thấy, Bản án sơ thẩm đã nhận định đánh giá tính hợp pháp của việc bán đấu giá và ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá giữa Chi Cục thi hành án huyện C với ông H theo hợp đồng số 16/2011/HĐMBTS.BĐG là vô hiệu do trái quy định pháp luật và có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 123 và Điều 408 Bộ luật dân sự quy định; và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Hồ sơ vụ án thể hiện:

- Quyết định kê biên tài sản số 30/QĐ-THA ngày 27/8/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (bút lục 149) kê biên tài sản của Trần Thị H1, tài sản kê biên là 1.300m² đất vườn trồng cam nhãn.

- Biên bản kê biên tài sản ngày 12/9/2007 (bút lục 147) theo Quyết định số 30/QĐ-THA đã kê biên tài sản của Trần Thị H1 gồm: “*Đất vườn 1.116,9m² đất trồng cam, nhãn, bưởi (thửa 1285, tờ bản đồ ATTC2, giấy chứng nhận H01920)*”.

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng (không ghi ngày tháng), xác định ranh giới thửa đất của hộ Trần Thị H1 (bút lục

146) tiếp giáp các cạnh: Cạnh đông: Giáp hộ Lê Văn K; Cạnh tây: giáp kênh; Cạnh nam: giáp hộ Lê Văn K; Cạnh bắc: giáp Nguyễn Thị H2.

- Quyết định thành lập Hội đồng định giá số 10/QĐ-THA ngày 31/7/2008 Biên bản định giá tài sản theo Quyết định kê biên tài sản số 30/QĐ-THA ngày 27/8/2007 đối với tài sản định giá là phần đất 1.116,2m² có tứ cận như mô tả tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng.

Như vậy, tài sản kê biên để thi hành bản án số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007 cơ quan Thi hành án dân sự huyện C xác định là quyền sử dụng 1.116,9m² đất vườn thuộc **thửa 1285**, tờ bản đồ ATTC2 theo giấy chứng nhận H01920.

Xét thấy, quá trình thực hiện kê biên tài sản và bán đấu giá tài sản của bà Trần Thị H1 có những vi phạm như sau:

- Quyền sử dụng 1.116,9m² đất vườn thuộc **thửa 1285**, tờ bản đồ ATTC2 theo giấy chứng nhận H01920 được cấp cho Hộ ông Lê Văn S (là chồng bà H1) theo Công văn số 45/CV-VPĐKQSDĐ ngày 10/12/2008 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (bút lục 150); Và Hộ gia đình ông S gồm: ông Lê Văn S (chủ hộ), Trần Thị H1, Lê Thị Thanh T2 - sinh năm 1983, Lê Thị Thanh T3 – sinh năm 1985, Lê Thị Thanh T4 – sinh năm 1990, và mẹ già mất sức lao động (bút lục 139). Nhưng hồ sơ không thể hiện căn cứ để xác định quyền sử dụng 1.116,9m² đất vườn thuộc thửa 1285 được cấp cho hộ ông Lê Văn S là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà H1, đồng thời cũng không có tài liệu chứng cứ thể hiện sự đồng ý của các thành viên của hộ, cũng như có việc tổng đạt hợp lệ các văn bản liên quan đến việc kê biên cho các thành viên trong hộ.

- Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản số 241/HĐUQ ngày 15/12/2008 (bút lục 136-138), số 71/HĐUQ ngày 21/5/2009 (bút lục 130–131), giữa Chấp hành viên và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh T; Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản số 52/2011/HĐUQ.BĐGTS ngày 14/02/2011 (do Ông P nộp tại phiên tòa phúc thẩm) giữa chấp hành viên và Công ty TNHH D lại xác định tài sản bán đấu giá là *“Đất vườn tọa lạc tại ấp D xã A huyện C tỉnh Tiền Giang ... do anh Lê Văn S (chồng chị Trần Thị H1) đại diện hộ đứng tên”*. Bản án sơ thẩm nhận định, theo kết quả bán đấu giá ngày 31/3/2011 và Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 (bút lục 254) giữa ông H và Công ty TNHH D là **thửa 1509** nên không thể thực hiện cưỡng chế giao tài sản cho ông H theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 nhưng chưa làm rõ lỗi dẫn đến việc bán đấu giá thửa 1509 thay vì thửa 1285 là do: Chấp hành viên Thi hành án, Công ty TNHH D (nay là Công ty Đ) từ đó mới xác định được chính xác nghĩa vụ bồi thường khi Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 vô hiệu, vấn đề này còn liên quan đến việc xử lý hậu quả của Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 vô hiệu. Vì vậy, cấp sơ thẩm nhận định, tài sản kê biên thực hiện thủ tục bán đấu giá là 1.116,9m² đất vườn thuộc **thửa 1285** nhưng quá trình bán đấu giá lại thực hiện bán đấu giá **thửa 1509** nên

Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 16/2011/HĐMBTS.BĐG ngày 06/4/2011 vô hiệu, lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do Chi cục Thi hành án mà chưa làm rõ trách nhiệm của các đơn vị tham gia đấu giá như nhận định trên là chưa toàn diện và khách quan.

Cấp sơ thẩm nhận định “... mặc dù lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu do Chi Cục THA làm thiệt thòi quyền lợi ông H, nhưng sau khi mua trúng đấu giá ông H không nộp tiền mà chỉ làm thủ tục khấu trừ vào số tiền bà L được thi hành án, đồng thời tại phiên tòa đại diện ủy quyền ông H, bà L cũng xác định ông H cũng không có giao tiền cho bà L, như vậy thực tế ông H không có nộp số tiền 184.000.000 đồng cho Chi Cục THA, nên việc ông yêu cầu Chi C THA trả lại số tiền 184.000.000 đồng và tính tiền lãi phát sinh do thiệt hại là không có căn cứ” là chưa chính xác, bởi lẽ việc cản trở số tiền được thi hành án của bà L (vợ ông H) vào số tiền trúng đấu giá là được sự đồng ý của bà L, đây là thỏa thuận tự nguyện giữa ông H và bà L, như vậy việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 123/2007/DS-PT ngày 22/3/2007 đã thực hiện, điều này phù hợp với lời trình bày của ông P tại phiên tòa phúc thẩm là số tiền 184.000.000 đồng nêu trên đã thi hành 01 phần nghĩa vụ của bà H1 theo quyết định của Bản án số 123/2007/DS-PT. Mặc khác, sau khi ông H và bà L cản trở nếu ông H không giao tiền lại cho bà L thì bà L được quyền khởi kiện bằng vụ án khác, cấp sơ thẩm nhận định ông H không có giao tiền lại cho bà L là không có nộp số tiền 184.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án nên không chấp nhận yêu cầu Chi cục Thi hành án trả lại số tiền 184.000.000 đồng là không phù hợp.

Vi phạm về nội dung trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được do vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử. Do đó, cần hủy Bản án sơ thẩm số 323/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm, chưa xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mặc khác nguyên đơn là người cao tuổi nên cấp sơ thẩm xét cho nguyên đơn miễn nộp tạm ứng án phí kháng cáo.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 313; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 323/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Minh Nguyệt